

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BUÔN ĐÔN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 08/9/2023

“Tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐÔN – TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phi Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Đình Phụng – Chủ tịch Hội khuyến học huyện Buôn Đôn.

2/ Bà Nông Thị Hảo – Chủ tịch Hội nông dân huyện Buôn Đôn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Y Rin Niê Kđăm – Kiểm sát viên.

Ngày 08/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 134/2023/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 7 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/8/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thu T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn 5, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Trần Phạm K, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn 5, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị Thu T trình bày:

Chị Phạm Thị Thu T và anh Trần Phạm K tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B vào ngày 21/5/2014. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và có 02 (hai) con chung. Tuy nhiên, đến khoảng đầu năm 2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng sống không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, không có sự tôn trọng với nhau, anh Trần Phạm K thường xuyên uống rượu không quan tâm, chăm sóc vợ và các con. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay chị Phạm Thị Thu T và anh Trần Phạm K đã sống ly thân và không quan tâm chăm sóc gì nhau. Vì vậy, chị Phạm Thị Thu T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Trần Phạm K.

Về con chung: Chị Phạm Thị Thu T và anh Trần Phạm K có 02 (hai) con chung: Cháu Trần Phạm Tố U, sinh ngày 14/11/2014; Cháu Trần Phạm Bảo N, sinh ngày 31/10/2017. Kể từ khi chị Phạm Thị Thu T và anh Trần Phạm K sống ly thân, chị Thủy là người trực tiếp nuôi các cháu Trần Phạm Tố U, Trần Phạm Bảo N.

Chị Phạm Thị Thu T có nguyện vọng nhận nuôi cháu Trần Phạm Tố U và cháu Trần Phạm Bảo N đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi).

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phạm Thị Thu T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị Thu T không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung và xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/7/2023 và quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Phạm K trình bày:* Anh Trần Phạm K đồng ý với ý kiến trình bày của chị Phạm Thị Thu T về quan hệ hôn nhân và con chung. Tuy nhiên, về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thì trong cuộc sống gia đình chỉ có những mâu thuẫn nhỏ nhặt. Vợ chồng tuổi còn trẻ nên sống chưa hiểu nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Hiện nay anh K và chị T đã sống ly thân. Anh Trần Phạm K rất yêu thương vợ và các con. Vì vậy, anh Trần Phạm K muốn vợ chồng cùng nhau chăm sóc, lo cho cuộc sống gia đình và không đồng ý ly hôn với chị Phạm Thị Thu T.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Do không đồng ý ly hôn nên anh Trần Phạm K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thu thập chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị Phạm Thị Thu T và anh Trần Phạm K. Qua xác minh, đại diện chính quyền địa phương và Chi hội phụ nữ thôn 5, xã C, huyện B cung cấp thông tin: Quá trình chung sống vợ chồng chị Phạm Thị Thu T và anh Trần Phạm K có mâu thuẫn với nhau. Anh K thường xuyên uống rượu và không lo làm ăn. Hiện nay chị T và anh K đã sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc gì nhau. Hai cháu Trần Phạm Tố U, Trần Phạm Bảo N đang sinh sống cùng với chị T.

Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, vụ án được đưa ra xét xử sơ thẩm. Quá trình giải quyết vụ án và hòa giải nguyên đơn chị Phạm Thị Thu T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 135, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho chị Phạm Thị Thu T được ly hôn với anh Trần Phạm K.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Trần Phạm Tố U, sinh ngày 14/11/2014 và cháu Trần Phạm Bảo N, sinh ngày 31/10/2017 cho chị Phạm Thị Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu U, N thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị Thu T không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị Thu T và anh Trần Phạm K không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Chị Phạm Thị Thu T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Trần Phạm K hiện nay cư trú tại thôn 5, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Nguyên đơn chị Phạm Thị Thu T và bị đơn anh Trần Phạm K đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thu T và anh Trần Phạm K đăng ký kết hôn tự nguyện tại UBND xã C, huyện B vào ngày 21/5/2014. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị Thu T và anh Trần Phạm K là hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và có 02 (hai) con chung. Tuy nhiên, đến khoảng đầu năm 2023 giữa chị Phạm Thị Thu T và anh Trần Phạm K phát sinh nhiều mâu thuẫn và bất đồng quan điểm. Hiện nay chị T và anh K sống ly thân và không quan tâm và chăm sóc gì nhau. Căn cứ kết quả xác minh cũng như ý kiến trình bày của đương sự có đủ cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh K đã mâu thuẫn trầm trọng, mục

đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Phạm Thị Thu T được ly hôn với anh Trần Phạm K.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị Phạm Thị Thu T và anh Trần Phạm K có 02 (hai) con chung: Cháu Trần Phạm Tố U, sinh ngày 14/11/2014; Cháu Trần Phạm Bảo N, sinh ngày 31/10/2017.

Quá trình giải quyết vụ án, cháu Trần Phạm Tố U trình bày có nguyện vọng muốn ở cùng với chị Phạm Thị Thu T để thuận lợi trong việc học tập và sinh hoạt hàng ngày.

Hội đồng xét xử xét thấy: Qua xác minh tại địa phương và phần trình bày của đương sự thì cháu Trần Phạm Tố U hiện nay đang sinh sống cùng với chị Phạm Thị Thu T. Quá trình giải quyết vụ án chị Phạm Thị Thu T có nguyện vọng nhận nuôi các cháu Trần Phạm Tố U, Trần Phạm Bảo N đến khi các cháu đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận giao các cháu Trần Phạm Tố U, Trần Phạm Bảo N cho chị Phạm Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu U, N đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị Thu T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4] Về quyền và nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con sau ly hôn: Căn cứ Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình:

- Anh Trần Phạm K có nghĩa vụ tôn trọng quyền của các cháu Trần Phạm Tố U, Trần Phạm Bảo N được sống chung với chị Phạm Thị Thu T.

- Anh Trần Phạm K có quyền, nghĩa vụ thăm nom các cháu Trần Phạm Tố U, Trần Phạm Bảo N mà không ai được cản trở nhưng anh Trần Phạm K không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị Thu T và anh Trần Phạm K không yêu cầu phân chia tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị Phạm Thị Thu T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Thu T.

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Thu T được ly hôn với anh Trần Phạm K.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Phạm Tố U, sinh ngày 14/11/2014; và cháu Trần Phạm Bảo N, sinh ngày 31/10/2017 cho chị Phạm Thị Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Trần Phạm K có nghĩa vụ tôn trọng quyền của các cháu Trần Phạm Tố U, Trần Phạm Bảo N được sống chung với chị Phạm Thị Thu T. Anh Trần Phạm K có quyền, nghĩa vụ thăm nom các cháu Trần Phạm Tố U, Trần Phạm Bảo N mà không ai được cản trở nhưng anh Trần Phạm K không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị Thu T không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị Thu T và anh Trần Phạm K không yêu cầu phân chia tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

5. Về án phí: Chị Phạm Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0019378 ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Phạm Thị Thu T và bị đơn anh Trần Phạm K có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Buôn Đôn;
- Chi cục THADS huyện Buôn Đôn;
- UBND xã C, huyện B;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

(Đã ký)

Nguyễn Phi Long

